TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HS-ST
Ngày: 04 - 6 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;

- Ông Huỳnh Duy Thanh.

Thư ký phiên toà: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại Phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lương Minh K (Tư Đ), sinh ngày 19/5/1993; nơi sinh: Châu Đốc – An Giang; nghề nghiệp: Không; nơi thường trú: tổ 27, khóm 3, phường A, thành phố C, tỉnh An Giang; trình độ học vấn 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1962), có vợ Nguyễn Thị Thu T (sinh năm 1995); có 02 người con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ ba;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 18/02/2020 cho đến nay.

2. Nguyễn Văn V (D), sinh ngày 24/3/1997; nơi sinh: An Phú – An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; nơi thường trú: tổ 01, ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; trình độ học vấn 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (sinh năm 1965) và bà Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1981); không có anh chị em ruột.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 21/02/2020 cho đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Nguyễn Văn C, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ 26, khóm C, phường A, thành phố Đ, tỉnh An Giang.

- Võ Hữu N, sinh năm 1993; địa chỉ: số 162 đường N, khóm C, phường B, thành phố Đ, tỉnh An Giang.

Người chứng kiến: Cao Hoàng P, sinh năm 1988; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 11/12/2019, lực lượng phối hợp Công an thành phố Châu Đốc và Công an phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc trên đường tuần tra, đến đoạn đường Doãn Uẩn, khóm 3, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang thì phát hiện Nguyễn Văn V đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu EXCITER, biển số 67E1 – 063.63 có biểu hiện nghi vấn nên kiểm tra, bắt quả tang, thu giữ của V 01 túi nhựa trong suốt, hàn kín, chứa tinh thể màu trắng. V khai, vật chứng bị thu giữ là ma túy đá, do Lương Minh K bán cho người nghiện, nhờ V giao giúp.

Quá trình điều tra, bị cáo K thừa nhận vận chứng thu giữ từ bị cáo V là ma túy đá do K mua của người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) ở Vương quốc Campuchia với giá 400.000 đồng. Khoảng 21 giờ ngày 11/12/2019, K gọi điện thoại V đến nhà mình. Tại đây, K và V cùng sử dụng ma túy. Sau đó, K nhờ V mang gói ma túy đưa cho T (không rõ họ tên, địa chỉ) lấy 200.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 túi nhựa trong suốt, hàn kín, chứa tinh thể trắng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 6 (đã bàn giao Cơ quan Thi hành án dân sự); 01 xe mô tô, nhãn hiệu EXCITER, biển số 67E1-063.63 (đã giao trả cho Nguyễn Văn Có là chủ sở hữu).

Kết luận giám định số 225/KLGT-PC09 (MT) ngày 22/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang xác định: Các Mẫu M gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,11 gam.

Ngày 07/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can Lương Minh K và Nguyễn Văn V.

Cáo trạng số 33/CT-VKSCĐ ngày 07/5/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố Lương Minh K và Nguyễn Văn V về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình.

Quá trình điều tra, bị cáo K thừa nhận vận chứng thu giữ từ bị cáo V là ma túy đá do K mua của người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) ở Vương quốc Campuchia với giá 400.000 đồng. Khoảng 21 giờ ngày 11/12/2019, K gọi điện thoại V đến nhà mình. Tại đây, K và V cùng sử dụng ma túy. Sau đó, K nhờ V mang gói ma túy đưa cho T (không rõ họ tên, địa chỉ) lấy 200.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C khai, anh là chủ sở hữu xe mô tô, nhãn hiệu EXCITER, biển số 67E1-063.63, mua lại từ Võ Hữu N. Khoảng 20 giờ ngày 11/12/2009, V hỏi mượn xe của C để mua bánh mì ăn nên C đồng ý giao xe. Không biết việc V sử dụng xe của có để giao ma túy. C đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường; anh Võ Hữu N có lời khai phù hợp với lời khai của C.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo K, V không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo hối hận về hành vi đã thực hiện, xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường;

Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người chứng kiến cũng như vật chứng được thu giữ cùng các tài liệu, nguồn chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó, có cơ sở xác định cáo trạng số 33/CT-VKSCĐ ngày 07/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố đối với bị cáo K, bị cáo V về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Xét về đồng phạm, đây là một vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành. Trong đó, bị cáo K giữ vai trò chính, trực tiếp mua và giao ma túy cho bị cáo V thực hiện tội phạm.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến công tác quản lý các chất ma túy của Nhà nước; gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình lượng hình, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét đối với bị cáo về sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, bị cáo V đã tích cực hợp tác khai báo cho cơ quan điều tra mới phát hiện hành vi phạm tội của bị cáo K. Do đó, cần xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo V theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo V có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức khung hình phạt.

Về hình phạt chính:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo K từ 3(ba) năm đến 4(bốn) năm năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo V từ 01 (một) năm đến 01(một) năm 06(sáu) tháng tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo K là người trực tiếp mua ma túy, nhờ bị cáo V đem bán có thu lợi. Do đó, đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 251 phạt bị cáo K từ 5.000.000(năm triệu đồng) đến 10.000.000(mười triệu đồng);

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo V.

Về biện pháp tư pháp, đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng theo quy định;

Đối với người thanh niên mà bị cáo K đã mua ma túy, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ sẽ xử lý sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không gì sự bất khả kháng, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[4] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo K, V có sự phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định, vật chứng vụ án được thu giữ và tài liệu chứng cứ

khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Ngày 11/12/2020, bị cáo K có hành vi bán 01 gói ma túy cho người thanh niên tên Tuấn (chưa xác định được họ tên, địa chỉ), nhờ bị cáo V mang ma túy đến giao cho Tuấn để lấy 200.000 đồng, V đồng ý. Căn cứ Kết luận giám định số 225/KLGT-PC09 (MT) ngày 22/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, xác định vật chứng thu giữ trong người V là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,11 gam.

Bị cáo K và bị cáo V là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán ma túy là vi phạm pháp luật về công tác quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Vì vậy, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự như nội dung cáo trạng truy tố.

Ma túy là chất gây nghiện, là mầm móng làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây tác động xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Xét, cần có mức hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về vai trò đồng phạm và tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo:

K và V cùng thực hiện hành vi bán ma túy, không có sự phân công, bàn bạc với nhau, nên là đồng phạm giản đơn.

Xét tính chất mức độ, K là người có nguồn ma túy để bán cho con nghiện, thu lợi, V là người giao ma túy cho con nghiện theo yêu cầu của K. Do đó K phải có mức hình phạt cao hơn, tương xứng với vai trò của bị cáo trong vụ án.

[6] Xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo K và bị cáo V đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thuộc thành phần nhân dân lao động. Bị cáo K có nhân thân không tốt; Bị cáo V có thêm tình tiết giảm nhẹ là đã khai báo giúp Cơ quan điều tra xác định được hành vi phạm tội của bị cáo K, nên bị cáo V có thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS. Do đó áp dụng khi lượng hình có xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS cho bị cáo V như quan điểm của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa là có cơ sở.

[7] Hình phạt bổ sung:

Bị cáo K là người trực tiếp mua ma túy, nhờ V giao lại cho người nghiện, có thu lợi, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo K.

Bị cáo V là người nhận giúp giao ma túy cho người nghiện dùm cho bị cáo K, hơn nữa chưa có nghề nghiệp ổn định, nên không phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Xử lý vật chứng:

- Đối với lượng ma túy đã thu giữ, còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành, xét tịch thu, tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 6 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo V, không liên quan đến hành vi phạm tội. Xét, giao trả cho bị cáo V.

[9] Những vấn đề khác:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ lien quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường. Do đó, không đề cập xem xét.

Đối với người bán ma túy cho K và người mua ma túy của K, chưa xác định được thông tin, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục làm rõ sẽ xử lý sau.

[10] Án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: Lương Minh K và Nguyễn Văn V phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy";

Về hình phạt chính:

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lương Minh K 03 (ba)năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 18/02/2020 *(mười tám, tháng hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V 01(một) năm 06(sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 21/02/2020 *(hai mươi mốt, tháng hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

Về hình bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Bị cáo Lương Minh K số tiền 5.000.000 (Năm triệu đồng)

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) gói niêm phong vụ số: 225/KLGT-PC09 (MT) ngày 22/12/2019 bề ngoài có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Châu Đốc, các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Đăng K và Ôn Văn T, bên trong có ma túy đã giám định còn lại.

- Giao trả cho bị cáo Nguyễn Văn V 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng đồng; số Imei 3592 5306 9687 640 (đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/3/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Lương Minh K và Nguyễn Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ lien quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Văn Đức

Nơi nhận:
- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).